

Số: 44 /2020/QĐST-HNGĐ

V, ngày 22 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 70 /2020/TLST - VDS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Trần Thị X, sinh năm 1994;

Địa chỉ: 110/x/y, tổ x, khu phố x, phường T, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Văn Đ kết hôn với chị Trần Thị X trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thiếu tin tưởng lẫn nhau, luôn nghi ngờ lòng chung thủy của nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Cả hai cũng cho nhau nhiều cơ hội và tìm mọi biện pháp để cải

thiện tình cảm vợ chồng . Gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo anh Đ, chị X nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được. Từ cuối tháng 10 năm 2019, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Đ và chị X đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị X đều trình bày: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần An N, sinh ngày 21/8/2015 . Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận: Giao cho chị Trần Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con Trần An N. Chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị X thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Đ, chị X mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của anh Đ, chị X là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị X thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị X thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Trần Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con Trần An N, sinh ngày 21/8/2015. Chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị X mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0003795 và Biên lai số 0003796 ngày 13/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (Số 37, quyển số 01 ngày 27/4/2015);
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)